

Số: 97/QĐ-THCSĐT

Đồng Than, ngày 01 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường
năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐỒNG THAN

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Hướng dẫn số 1729/SGDĐT-GDTrH-GDTX của Sở GD&ĐT Hưng Yên v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024 ngày 08/8/2023;

Căn cứ công văn số 464/PGD ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Mỹ V/v hướng dẫn chuẩn bị đầu năm học năm học 2023- 2024;

Theo đề nghị của các Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng Nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 của trường THCS Đồng Than (Có kế hoạch giáo dục cụ thể các môn học, hoạt động giáo dục kèm theo).

Điều 2. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 là căn cứ để triển khai thực hiện chương trình dạy học, các hoạt động giáo dục là cơ sở để tổ chức kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Các bộ phận chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Đồng Than căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Yên Mỹ (Để báo cáo)
- Như Điều 3: (Thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Thắm

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2023 – 2024

*(Ban hành kèm theo quyết định số 97 /QĐ-THCSĐT ngày 01 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng trường THCS Đồng Than)*

Căn cứ Nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ chỉ thị số 09/CT-CTUBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số: 2171/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 1660/QĐ –UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Hướng dẫn số 1729/SGDĐT-GDTrH-GDTrX v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024 ngày 08/8/2023;

Căn cứ công văn số 464/PGD ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Yên Mỹ V/v hướng dẫn chuẩn bị đầu năm học năm học 2023- 2024,

Trường THCS Đồng Than xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1.1. Bối cảnh bên ngoài

1.1.1. Thời cơ

- Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Toàn thể các Bộ, Ban, Ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thay đổi vận mệnh và sự phát

triển của quốc gia. Các Bộ đã có những phối hợp để có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học; chế độ tiền lương cho giáo viên, chế độ học sinh vùng khó khăn, người dân tộc.

- Chương trình GDPT 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ của CNTT 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh đã nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới CTGDPT.

- Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền quan tâm đến việc phát triển giáo dục tại địa phương;

- Chính quyền địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường (đảm bảo an ninh trật tự trường học, giáo dục ATGT, các hoạt động ngoại khóa – trải nghiệm ...).

1.1.2. Nguy cơ

- Có khoảng 3% gia đình học sinh có điều kiện kinh tế khó khăn, các em là nguồn lao động chính của gia đình nên điều kiện học tập của các em có rất nhiều ảnh hưởng, đặc biệt là việc tự học, tự nghiên cứu bài của các em ở nhà.

- Có khoảng 3%-5% phụ huynh chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng về việc học tập của con em mình, còn khoán trắng cho nhà trường.

- Thiết bị dạy học của nhà trường không đảm bảo (hư hỏng và thiếu thốn nhiều); chưa đủ hóa chất để dạy thí nghiệm, bộ môn vật lý, sinh học và dụng cụ dạy thực hành; Hệ thống máy tính phục vụ cho phòng Tin học chưa đủ theo quy định, hiện có 26 máy sử dụng được. Máy tính phục vụ hoạt động chuyên môn: 8 máy tính xách tay, 3 máy tính để bàn. Máy chiếu có 14/22 cái dùng được.

- Thiếu 8 giáo viên các môn: Toán (01), KHTN (02), Giáo dục thể chất (03), GDCD (01); Mỹ thuật (01).

- Ảnh hưởng của dịch Covid -19 trong nhiều năm qua đã gây hệ lụy lớn đến học sinh cả về ý thức lẫn chất lượng.

- Khuôn viên nhà trường nhỏ, hẹp. Phòng học đã quá cũ, xuống cấp nghiêm trọng mà chưa được sửa chữa, có nguy cơ mất an toàn, không đảm bảo mỹ quan.

- Chưa có đủ phòng học để mỗi lớp có riêng 1 phòng học 1 ca (17 phòng/22 lớp).

1.2. Bối cảnh bên trong

1.2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường có 08 phòng học bộ môn đã có 18 máy chiếu và mạng Internet, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Trường đã có bãi tập tương đối đảm bảo, sân chơi, cơ bản đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập thể dục thể thao.
- 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo (31/31 = 100% có trình độ đại học).
- 22 GV (70,9%) đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, trong đó có 3 GV (9,6%) cấp tỉnh.
- Cán bộ quản lý nhà trường có nhiều năm kinh nghiệm đã được tham gia tập huấn chương trình phổ thông mới. Biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo và tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ của ban chấp hành thường trực phụ huynh học sinh.
- Giáo viên tổng phụ trách đội có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác đội.
- Học sinh cơ bản ngoan, lễ phép. Đạt khoảng 60% học sinh ý thức tốt về tầm quan trọng của việc học tập cho tương lai sau này.
- 98% học sinh đến trường được trang bị sách vở và đồ dùng học tập, phương tiện học tập đầy đủ.

1.2.2. Điểm yếu

- Hiện tại giáo viên của nhà trường còn thiếu 8 đồng chí, Một vài đồng chí chưa nắm vững lý luận dạy học đáp ứng năng lực, phẩm chất người học; Một số đ/c phải dạy chéo môn.
- Hiện tại có khoảng hơn 20% học sinh có ý thức học tập chưa tốt; 30% học sinh học lệch, học không đồng đều về các môn; 40% học sinh còn yếu về môn Tiếng Anh, Toán, Ngữ Văn.

1.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

1.3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2023 – 2024

STT	Lớp	SS trên CSDLN	Sĩ số	Số nữ	Lưu ban	Khuyết tật	Dân tộc thiểu số	Hộ nghèo	Hộ Cận nghèo	Hoàn cảnh GD khó khăn	Ghi chú
1	6A1	45	45	14		1	0	0	0	0	
2	6A2	45	45	25	0	0	0	1	0	1	
3	6A3	45	45	33							
4	6A4	44	44	15	2	1	0	1	1	1	
5	6A5	42	42	20	0	0	0	2	1	0	
6	6A6	43	43	16	1	0	0	1	0	1	

STT	Lớp	SS trên CSDLN	Sĩ số	Số nữ	Lưu ban	Khuyết tật	Dân tộc thiểu số	Hộ nghèo	Hộ Cận nghèo	Hoàn cảnh GD khó khăn	Ghi chú
7	6A7	43	43	15	0	0	0	0	2	0	
	Tổng	306	306	138	3	2	0	5	4	3	
8	7A1	46	46	21	0	0	0	0	0	0	
9	7A2	44	44	16	0	0	0	1	0	1	
10	7A3	45	45	15	1	0	0		2		
11	7A4	44	44	11	1	1	0	0	0	0	
12	7A5	44	44	13	2			1			
	Tổng	223	223	76	4	1	0	2	2	1	
13	8A	45	45	25	0	0	0	0	0	0	
14	8B	47	47	19	0	0	0	1	0	1	
15	8C	47	47	30	0	0	0	0	2	2	
16	8D	45	45	16	0						
17	8E	43	43	11	0	0	0	1	1	1	
	Tổng	227	227	101	0	0	0	2	3	4	
18	9A	38	38	20	0	0	0	0	1	0	
19	9B	45	45	32	0	0	0	0	0	0	
20	9C	40	40	28	0	0	0		1	1	
21	9D	39	39	10	5	2	0	1	1	0	
22	9E	38	38	5	0	0	0	1	1	1	
	Tổng	200	200	95	5	2	0	2	4	2	
	Toàn trường	956	956	410	12	5	0	11	13	10	

Công tác tuyển sinh lớp 6: Số hoàn thành chương trình tiểu học 315. Trong đó nữ 146. Chuyển đi 13. Chuyển đến 02. Lưu ban 03.

1.3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phong chức năng: (Tổng số có 18 phòng học)

Phòng số 1: Lớp 6A1, Phòng số 2 lớp 6A2, Phòng số 3 lớp 6A3, phòng số 4 lớp 6A4; Phòng 5 lớp 9B; Phòng 6 lớp 9C; Phòng 7 lớp 9D; Phòng 8 lớp 9E; phòng số 9 lớp 6A5, Phòng số 10 lớp 6A6, Phòng 11 lớp 6A7; Phòng 12 lớp 8C; Phòng 13 lớp 8B; Phòng 14 lớp 8E; Phòng 15 lớp 8D; phòng 16 lớp 7A5, phòng 17 lớp 7A4, phòng 18 lớp 7A3;

Khu phòng học bộ môn: Lớp 9A(Sử dụng phòng học 1- bộ môn MT); Phòng 2- bộ môn Hoá học lớp 8A; Phòng 3 –Môn Tiếng Anh 1; Phòng 4 bộ môn Tin học; Phòng 5- bộ môn Vật lí: Lớp 7A2; Phòng 6- bộ môn Sinh học: lớp 7A1; Phòng 7 bộ môn Âm nhạc – Tiếng Anh 2, Phòng 8 bộ Môn Công nghệ; Phòng chức năng: Phòng Thư viện, Phòng Y tế - Văn thư, Phòng BGH, Phòng Hội đồng.

1.3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:

Khối lớp 6, 7, 8 (Khối 6 gồm 7 lớp, hai khối còn lại mỗi khối 5 lớp): Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018); (không thực hiện dạy học môn tự chọn). Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng.

Khối lớp 9: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (Theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Thực hiện dạy 6 buổi/tuần vào 6 buổi sáng.

1.3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

+ Mỗi tuần thực hiện 01 tiết chào cờ vào sáng thứ hai hàng tuần và một tiết sinh hoạt cuối tuần tổng cộng 70 tiết; Mỗi tháng thực hiện HĐTN vào sáng thứ 2 tuần 1,3 giờ chào cờ, mỗi giờ từ 20-25 phút. Mỗi tháng thực hiện 4 hoạt động TNHN vào tiết sinh hoạt, thời lượng 10-15 phút.

+ Số tiết còn lại nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo chủ đề gồm 35 tiết vào buổi chiều (1 tháng 1 buổi = 4 tiết/lớp).

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 6,7, 8

1-Tiết Sinh hoạt dưới cờ

STT	Tên chủ đề
1	Chủ điểm 1: Xây dựng truyền thống nhà trường
2	Chủ điểm 2: Chăm ngoan học giỏi
3	Chủ điểm 3: Tôn sư trọng đạo
4	Chủ điểm 4: Uống nước nhớ nguồn.
5	Chủ điểm 5: Chào xuân yêu thương.
6	Chủ điểm 6: Mừng Đảng, Mừng Xuân.
7	Chủ điểm 7: Phát triển bền vững.
8	Chủ điểm 8: Hợp tác và phát triển.
9	Chủ điểm 9: Noi gương Người tốt, việc tốt.

2-Chương trình HDGD (Tiết dạy)

Chủ đề	Tên chủ đề khối 6	Tên chủ đề khối 7	Tên chủ đề khối 8
1	Khám phá lứa tuổi và môi trường học tập mới	Rèn luyện thói quen	Khám phá một số đặc điểm của bản thân
2	Chăm sóc cuộc sống cá nhân	Rèn luyện sự kiên trì và chăm chỉ	Thể hiện trách nhiệm của bản thân
3	Xây dựng tình bạn, tình thầy trò	Hợp tác thực hiện nhiệm vụ chung	Xây dựng trường học thân thiện
4	Nuôi dưỡng quan hệ gia đình	Chia sẻ trách nhiệm trong gia đình	Sống hoà hợp trong gia đình
5	Kiểm soát chi tiêu	Chi tiêu có kế hoạch	Làm quen với kinh doanh
6	Xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện	Sống hoà hợp trong cộng đồng	Tham gia hoạt động phát triển cộng đồng
7	Tìm hiểu nghề truyền thống ở Việt Nam	Góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính	Truyền thông phòng, chống thiên tai
8	Phòng tránh thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu	Tìm hiểu các nghề ở địa phương	Tìm hiểu nghề trong xã hội hiện đại
9	Tôn trọng người lao động	Tìm hiểu phẩm chất và năng lực của người lao động	Xây dựng kế hoạch học tập theo hứng thú nghề nghiệp

3-Chương trình tiết Sinh hoạt lớp.

STT	Tên chủ đề
1	Chủ điểm 1: Xây dựng truyền thống nhà trường
2	Chủ điểm 2: Chăm ngoan học giỏi
3	Chủ điểm 3: Tôn sư trọng đạo
4	Chủ điểm 4: Uống nước nhớ nguồn.
5	Chủ điểm 5: Chào xuân yêu thương.
6	Chủ điểm 6: Mừng Đảng, Mừng Xuân.
7	Chủ điểm 7: Hợp tác và phát triển.
8	Chủ điểm 8: Phát triển bền vững.
9	Chủ điểm 9: Noi gương Người tốt, việc tốt.

3. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 6; 7; 8.

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 1 tiết/tuần. Hình thức chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Hưng Yên biên soạn.

2. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong cấp trung học cơ sở học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Đến năm 2025 trường THCS Đồng Than đạt chuẩn kiểm định chất lượng ở mức độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

* **Chất lượng mũi nhọn**

- Cấp quốc gia: 01 em đạt Huy chương Đồng cuộc thi IOE cấp quốc gia.
- Học sinh giỏi cấp huyện: 48 em. Trong đó môn văn hóa có 28 em; và 14 em HSG IOE và 06 HS đạt giải môn Điền kinh.
- Khối 6,7,8:
 - + HS Xuất sắc: 10 em (1,3%)
 - + HS Giỏi: 68 em (9%)
 - + HS được tuyên dương từng mặt: 265 em (35%)
- Khối 9:
 - + Học sinh giỏi cấp trường: 18 em (9%)
 - + Học sinh tiên tiến: 82 em (41%).

* **Chất lượng hai mặt giáo dục:** đảm bảo đạt kế hoạch đặt ra, kết quả cụ thể như sau:

- Khối 9:

	Hạnh kiểm		Học lực	
	TS	%	TS	%
Giỏi (Tốt)	150	75	18	9
Khá	46	23	82	41
Tb	4	2	98	49
Yếu			2	1

- Khối 6,7, 8:

	Rèn luyện		Học tập	
	TS	%	TS	%
Tốt	567	75	78	10.3
Khá	174	23	265	35
Đạt	15	2	380	50,3
Chưa đạt			33	4,4

- Có 6 tập thể lớp được công nhận tập thể tiên tiến.
- Tuyên dương từng mặt: 02 tập thể.
- Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học .
- Học sinh xếp loại về phẩm chất: Tốt 84,5%; Khá 15%; TB: 2= 0,5%;
- Học sinh xếp loại về năng lực: Giỏi 10%; Khá 36%; TB 50%; Yếu 4%.
- 100% học sinh hoàn thành chương trình giáo dục cấp THCS;
- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT công lập đạt 50%, học nghề đạt 45%.
 - Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 100% học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.
 - Tổ chức được 4 HĐGDKNS/năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.
 - Tỷ lệ học sinh đạt học sinh giỏi cấp trường 10%
 - Tỷ lệ học sinh lớp 9 đạt học sinh giỏi cấp huyện 50% (tính theo số dự thi)
 - Tỷ lệ học sinh lớp 9 đạt học sinh giỏi cấp tỉnh 0,5%

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

3.1. Hoạt động chính khóa

Khối 9 thực hiện theo chương trình GD hiện hành. Cụ thể như sau:

	Số tiết/ tuần (Kì I/Kì II)	Số tiết Học kỳ I (18 tuần)	Số tiết Học kỳ II (17 tuần)	KT Giữa kỳ (Tuần/ tiết)		Tiết KT cuối kỳ (Tuần/ tiết)	
				I	II	I	II
Toán	4/4	72	68	9/18Đ18H	27/54Đ;54H	17/33;34	33/65;66
Lí	2/2	36	34	9/18	27/53	17/34	33/66
Hoá	2/2	36	34	9/18	27/53	17/34	33/66
Sinh	2/2	36	34	9/18	27/54	17/34	33/66
CN	1/1	18	17	9/9	26/26	17/17	33/33
Tin	2/2	36	34	9/17	27/54	17/33;34	33/65;66

TD	2/2	36	34	8/15	27/53	17/34	33/66
Văn	5/5	90	85	9/41;42	27/134;135	17/83;84	33/162;163
Sử	1/2	18	34	9/9	27/36	17/17	33/48
Địa	2/1	36	53	9/18	27/45	17/34	33/51
GDCD	1/1	18	17	9/9	27/27	17/17	33/33
T.Anh	3/3	54	51	9/25	27/78	17/50;51	33/97;98
ÂN	1/0	18	0	9/9		16/16	
MT	0/1	0	17		26/8		31/13

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6;7;8- HỌC KÌ I

MÔN/TUẦN	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tuần	Tổng thời lượng/ môn
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Ngoại ngữ 1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Giáo dục công dân	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	27
Địa lí																			
Khoa học Tự nhiên	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Công nghệ 6,7	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ 8	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN,	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HN																			
GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/tuần khối 6,7	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	522
Tổng số tiết bắt buộc/tuần khối 8	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	540

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6; 7; 8- HỌC KÌ II

MÔN/TUẦN	Tuần 19	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24	Tuần 25	Tuần 26	Tuần 27	Tuần 28	Tuần 29	Tuần 30	Tuần 31	Tuần 32	Tuần 33	Tuần 34	Tuần 35	Tuần	Tổng thời lượng/ môn
Ngữ văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		68
Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		68
Ngoại ngữ 1	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		51
Giáo dục công dân	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
Lịch sử và Địa lí	Lịch sử	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1		26
	Địa lí	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2		25
Khoa học Tự nhiên	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		68
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
HĐTN, HN	CC+SHCT	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		34
	TN CĐ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
GDDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		17
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29		493

Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ I:

STT	Môn	Khối 6			Khối 7			Khối 8			STT	Môn	Khối 9		
		Tuần	Tiết	Thời gian (Phút)	Tuần	Tiết	Thời gian	Tuần	Tiết	Thời gian			Tuần	Tiết	Thời gian (Phút)
1	Toán	9	26.27	90	9	17.18	90	9	19ĐS, 17HH	90	1	Toán	9	18ĐS,18HH	90
2	KHTN	9	34.35	90	9	35.36	90	9	34.35	90	2	Vật lí	9	18	45
3	Công nghệ	9	9	45	9	9	45	9	18	45	3	Hóa học	9	18	45 phút
4	GDCD	9	18	45	8	15	45	8	16	45	4	Sinh học	9	18	45
5	Tin học	9	9	45	9	9	45	9	9	45	5	Công nghệ	9	9	45 phút (Thực hành)
6	Văn	9	34.35	90	9	35.36	90	9	35.36	90	6	Thể dục	8	15	45
7	Sử - Địa	9	18 ; 9	60	9	18.9	60	9	18; 9	60	7	Tin học	9	17	45
8	Tiếng Anh	9	25	60	9	25	60	9	25	60	8	Văn	9	41.42	90
9	GDCD	9	9	45	9	9	45	9	9	45	9	Lịch sử	9	9	45
10	Âm nhạc	9	9	45	9	9	45	9	9	45	10	Địa lí	9	18	45
11	Mĩ thuật	8	8	45	8	8	45	8	8	45	11	Tiếng Anh	9	25	60
12	GĐP	9	9	45	9	9	45				12	GDCD	9	9	45
13	HĐTNHN				9	26	45	9	27	45	13	Âm nhạc	9	9	45
											14	Mĩ thuật			

Kế hoạch kiểm tra cuối kỳ I:

STT	Môn	Khối 6				Khối 7				Khối 8				STT	Môn	Khối 9			
		Tuần	Tiết	Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 1	Tuần	Tiết	Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 1	Tuần	Tiết	Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 1			Tuần	Tiết	Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 1
1	Toán	17	45, 46	90	72	17	36.37	90	72	17	39ĐS, 27HH	90	72	1	Toán	17	33, 34	90	72
2	KHTN	17	65.66	90	72	17	65.66	90	72	17	67.68	90	72	2	Vật lí	17	34	45	36
3	Công nghệ	17	17	45	18	17	17	45	18	17	34	45	36	3	Hóa học	17	34	45	36
4	GDCD	17	34	45	36	17	34	45	36	16	32	45	36	4	Sinh học	17	34	45	36
5	Tin học	17	17	45	18	17	17	45	18	17	17	45	18	5	Công nghệ	17	17	45_TH	18
6	Văn	17	67.68	90	72	17	67.68	90	72	17	67.68	90	72	6	Thể dục	17	34	45	36
7	Sử - Địa	17	26;25	60	54	17	26.25	60	54	17	26.25	60	54	7	Tin học	17	33.34	90	36
8	Tiếng Anh	17	50.51	60	54	17	50.51	60	54	17	50.51	60	54	8	Văn	17	83.84	90	90
9	GDCD	17	17	45	18	17	17	45	18	17	17	45	18	9	Lịch sử	17	17	45	18
10	Âm nhạc	16	16	45	18	16	16	45	18	16	16	45	18	10	Địa lí	17	34	45	36
11	Mĩ thuật	17	17	45	18	17	17	45	18	17	17	45	18	11	Tiếng Anh	17	50.51	60	54
12	GDDP	17	17	45	18	17	17	45	18					12	GDCD	17	17	45	18
13	HĐTNHN					17	50	45	54	17	51	45	54	13	Âm nhạc	16	16	45	18
														14	Mĩ thuật				

Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ II:

STT	Môn	Khối 6			Khối 7			Khối 8			STT	Môn	Khối 9		
		Tuần	Tiết	Thời gian	Tuần	Tiết	Thời gian	Tuần	Tiết	Thời gian			Tuần	Tiết	Thời gian
1	Toán	27	73, 74	90	27	48.49	90	27	64ĐS,43HH	90	1	Toán	27	54ĐS,54HH	90
2	KHTN	27	105.106	90	27	106.107	90	27	106.107	90	2	Vật lí	27	53	45
3	Công nghệ	27	27	45	27	27	45	27	45	45	3	Hóa học	27	53	45
4	GDTC	27	53	45	27	53	45	26	52	45	4	Sinh học	27	54	45
5	Tin học	27	27	45	27	27	45	27	27	45	5	Công nghệ	26	26	45 (Thực hành)
6	Văn	27	105.106	90	27	105.106	90	27	107.108	90	6	Thể dục	27	53	45
7	Sử - Địa	27	44 ; 36	60	27	45.36	60	27	45.36	60	7	Tin học	27	54	45
8	Tiếng Anh	27	78	60	27	78	60	27	78	60	8	Văn	27	134.135	90
9	GDCD	27	27	45	27	27	45	27	27	45	9	Lịch sử	27	36	45
10	Âm nhạc	27	27	45	27	27	45	27	27	45	10	Địa lí	27	45	45
11	Mĩ thuật	26	26	45	26	26	45	26	26	45	11	Tiếng Anh	27	78	60
12	GDDP	27	27	45	27	27	45				12	GDCD	27	27	45
13	HĐTNHN				27	80	45	27	79	45	13	Âm nhạc			
											14	Mĩ thuật	26	8	45

Kế hoạch kiểm tra cuối kỳ II:

STT	Môn	Khối 6					Tổng cả năm khối 6	Khối 7					Tổng cả năm khối 7	Khối 8					Tổng cả năm khối 8	STT	Môn	Khối 9					Tổng cả năm khối 9
		Tuần	Tiết	Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 2	Tuần		Tiết	Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 2	Tuần	Tiết		Thời gian	Tổng số tiết trong kỳ 2	Tuần	Tiết	Thời gian				Tổng số tiết trong kỳ 2					
1	Toán	33	91, 92	90	68	140	33	75, 76	90	68	140	33	78Đ, 55H	90	68	140	1	Toán	33	65, 66	90	68	140				
2	KHTN	33	129, 130	90	68	140	33	131, 132	90	68	140	33	131, 132	90	68	140	2	Vật lí	33	66	45	34	70				
3	Công nghệ	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	33	51	45	17	53	3	Hóa học	33	65	45	34	70				
4	GDTC	33	65	45	34	70	33	66	45	70	106	32	64	45	34	70	4	Sinh học	33	66	45		36				
5	Tin học	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	5	Công nghệ	33	33	45	17	35				
6	Văn	33	131, 132	90	68	140	33	130, 131	90	68	140	33	131, 132	90	68	140	6	Thể dục	33	66	45	70	106				
7	Sử - Địa	33	51; 49	60	51	105	33	51, 48	60	51	105	33	51, 48	60	51	105	7	Tin học	33	64, 65	90	34	70				
8	Tiếng Anh	33	97, 98	60	51	105	33	97, 98	60	51	105	33	97, 98	60	51	105	8	Văn	33	162, 163	90	85	175				
9	GDCD	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	9	Lịch sử	33	48	45	34	52				
10	Âm nhạc	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	10	Địa lí	33	51	45	53	89				
11	Mĩ thuật	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35	11	Tiếng Anh	33	97, 98	60	51	105				
12	GDĐP	33	33	45	17	35	33	33	45	17	35				17	35	12	GDCD	33	33	45	17	35				
13	HĐTNHN					0	33	98	45	51	105	33	99	45	51	105	13	Âm nhạc					18				
																	14	Mĩ thuật	31	13	45	17	17				

3.2. Các hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức tìm hiểu về các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cô, cha mẹ.

- Các chương trình trải nghiệm, nói chuyện chuyên đề, giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại nơi có ý nghĩa như khu di tích tưởng niệm Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Giai phạm, giao lưu với đơn vị trường khác...

- Cho học sinh trải nghiệm về vệ sinh môi trường, sử dụng nhà vệ sinh đúng cách.

3.3. Câu lạc bộ:

3.3.1. Câu lạc bộ Tiếng Anh:

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt câu lạc bộ 01 lần.

- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn Tiếng Anh tham mưu.

3.3.2. Câu lạc bộ thể thao:

- Tổ chức câu lạc bộ bóng đá; bóng rổ, bóng chuyền hơi.

+ Hình thức tổ chức: Học sinh luyện tập vào chiều thứ 5 và thứ 6 hàng tuần.

Tổ chức cho học sinh đá giao hữu giữa các lớp,

4. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2023 – 2024

1. Khung thời gian năm học

Thực hiện theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Cụ thể: **Thực hiện 35 tuần**

- Học kỳ I: Từ ngày 6/9/2023 - 13/01/2024

- Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 - 25/5/2024

Tháng	Tuần	Ngày	Khối 6, 7, 8, 9
9/2021	1	06/9 - 09/9	Khai giảng năm học mới 05/9 Tìm hiểu truyền thống nhà trường
	2	11 - 16	Dạy trên lớp
	3	18 - 23	Dạy trên lớp

Tháng	Tuần	Ngày	Khối 6, 7, 8, 9
	4	25 – 30/9	Dạy trên lớp Thi Tìm hiểu về môi trường
10/2021	5	02 – 07/10	Dạy trên lớp
	6	09 -14	Dạy trên lớp. Tổ chức HNVC 11/10. Tổ chức Hội nghị CVVC; ĐHLĐ. Phát động các cuộc thi và phong trào thi đua.
	7	16- 21	Dạy trên lớp. HĐNK 20/10
	8	23 - 28	Dạy trên lớp. Nghiệm thu đề tài NCKH của HS (Nếu có)
	9	30/10 – 04/11	Dạy trên lớp.Thi giữa kì từ 31/10-02/11
11/2021	10	06/11 – 11/11	Dạy trên lớp, Tổ chức HĐTN ngoài nhà trường ngày 11/11.
	11	13 - 18	Dạy trên lớp. Nộp hồ sơ tham gia cuộc thi NCKHKT cấp huyện (Nếu có)
	12	20 - 25	Dạy trên lớp, HĐTN chào mừng 20/11. Thi “Rung chuông vàng”
	13	27/11 – 02/12	Dạy trên lớp. Hướng dẫn HS đăng ký thi HSG lớp9
12/2021	14	04/12 – 09/12	Dạy trên lớp,
	15	11-16	Tham gia thi HSG lớp 9 các môn: Toán.lí, Hoá, Sinh, NV, LS,ĐL,Tiếng Anh cấp huyện.
	16	18 - 23	Tuần có ngày 22/12 (HĐNK). Thi điền kinh
	17	25 - 30	Thi cuối học kì I (28-30/12)
01/2023	18	01/01/2024- 06/01/2024	Nghỉ Tết Dương lịch vào thứ 2 ngày 01/01/2024. Dạy trên lớp

Tháng	Tuần	Ngày	Khối 6, 7, 8, 9
	18b	08/01/2024 -13/01/2024	Dạy trên lớp tuần đêm. Kết thúc học kỳ I ngày 13/01/2024
	19	15 – 20	Dạy trên lớp . Tham gia HKPD cấp huyện.
	20	22 – 27	Tổ chức Hội giảng đợt II.
02/2023	21	29/01- 03/02/2024	Dạy trên lớp
	22	05-17/02	(Tuần có ngày nghỉ Tết Âm lịch).
	23	19-24	Dạy trên lớp
	24	26/02- 02/3	Dạy trên lớp
03/2023	25	04-09/3	Tuần có ngày 08/3 tổ chức HĐNK. Tham gia Hội thi GVDG cấp huyện môn Toán, Văn, Tin, GDCD, GDTC.
	26	11/3 – 16/3	Dạy trên lớp. Tham gia Hội thi Tin học trẻ ngành GD cho HS THCS.
	27	18- 23	Kiểm tra giữa kì II (19-20-21)
	28	25 - 30	Tuần có ngày SHTT 26/3
04/2023	29	01/4 – 06/4	Dạy trên lớp
	30	08 – 13/4	Dạy trên lớp
	31	15 – 20	Tuần có ngày nghỉ Lễ Giỗ tổ Hùng Vương (18/4DL)
	32	22 - 27	Dạy trên lớp
05/2023	33	29/4 – 04/5	Tuần có 2 ngày nghỉ lễ 30/4; 01/5 Tuần có ngày kiểm tra cuối kỳ II (02-04)
	34	06/5-11/5	Dạy trên lớp, Tích hợp GDĐP. Thi HSG huyện môn Toán, Văn, Anh khối 6,7,8.
	35	13/5 – 18/5	Hoàn thành chương trình

Tháng	Tuần	Ngày	Khối 6, 7, 8, 9
	36	20 - 25	Tuần đệm, dạy bù.
	37	27/5 -31/5	Tổng kết năm học 29/5

2. Khung thời gian hoạt động trong ngày

Toàn trường học 1 ca vào buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 7 áp dụng xuyên suốt cả năm học

Thời gian	Thời lượng	Tên hoạt động	Người tham gia
7h00 – 7h15’	15p	Truy bài	GVCN
7h15’ – 8h00	45p	Tiết 1	GVBM
8h10’ – 8h55’	45p	Tiết 2	GVBM
8h55’ – 9h15’	20p	Thẻ đục (múa) giữa giờ	TPT, GVCN
9h15’ – 10h00’	45p	Tiết 3	GVBM
10h10’ – 10h55’	45p	Tiết 4	GVBM
11h05’ – 11h5’	45p	Tiết 5	GVBM
11h50’		Tan học	Bảo vệ

3. Các môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc:

TT	Môn		Số tiết			Số tiết		Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Môn	Lớp 9	
1	Toán		140	140	140	Toán	140	
2	Ngữ văn		140	140	140	Ngữ văn	175	
3	KHTN	Vật lí	140	140	140	Vật lí	70	
4		Hóa học				Hóa học	70	
5		Sinh học				Sinh học	70	
6	KHXXH	Lịch Sử	53	53	105	Lịch Sử	53	
7		Địa lí	53	53		Địa lí	53	
8	Tiếng Anh		105	105	105	Tiếng Anh	105	
9	Công nghệ		35	35	53	Công nghệ	35	
10	Tin học		70	70	35	Tin học	70	
11	GD&CD		35	35	35	GD&CD	35	

TT	Môn	Số tiết			Số tiết		Ghi chú
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Môn	Lớp 9	
12	Thể dục	70	70	70	Thể dục	70	
13	Mĩ thuật	35	35	35	Mĩ thuật	18	
14	Âm nhạc	35	35	35	Âm nhạc	17	
15	GDDP	35	35	35	GDDP	0	
16	HĐ TNHN	105	105	105	HĐ TNST	0	

Cụ thể như sau:

Khối lớp 6

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
1	Toán	Số học: 4 chủ đề: tổng 98 tiết	Số học và HĐTN: 3 chương: 17 bài, 43 tiết; 1 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra định kì. Tổng 48 tiết	Số học và HĐTN: 2 chương - 20 bài: 44 tiết, 2 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra định kì. Tổng 50 tiết
		Hình học: 5 chủ đề: 42 tiết	Hình học và HĐTN: 2 chương - 5 bài: 24 tiết	Hình học và HĐTN: 1 chương - 6 bài: 17 tiết; 1 tiết ôn tập
2	Công nghệ	14 bài, 2 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra Tổng 35 tiết	7 bài; 1 ôn tập .2 kiểm tra(18 tiết)	7 bài; 1 ôn Tập, 2 kiểm tra(17 Tiết)
3	Giáo dục thể chất	5 chủ đề, 63 tiết, 4 tiết kiểm tra định kì, 3 tiết kiểm tra RLTT. Tổng 70 tiết	3 chủ đề, 32 tiết, 2 tiết kiểm tra định kì, 2 tiết kiểm tra RLTT. Tổng 36 tiết	2 chủ đề, 31 tiết, 2 tiết kiểm tra định kì, 1 tiết kiểm tra RLTT. Tổng 34 tiết

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
4	Tin học	6 chủ đề, 35 tiết	4 chủ đề - 9 bài, 15 tiết; 1 tiết ôn tập; 2 tiết kiểm tra định kì. Tổng 18 tiết	2 chủ đề - 7 bài: 15 tiết; 2 tiết kiểm tra định kì. Tổng 17 tiết
5	Ngữ văn	11 bài, 4 tiết ôn tập, 8 tiết kiểm tra, 4 tiết trả bài (140 tiết)	6 bài, 2 ôn tập, 4 tiết kiểm tra, 2 tiết trả bài = 10; 72 tiết	5 bài, 2 ôn tập, 4 tiết kiểm tra, 2 tiết trả bài = 9; 68 tiết
6	Khoa học tự nhiên	35 bài = 11 chủ đề, 126 tiết và 6 tiết ôn tập và 8 tiết kiểm tra	18 bài : 65 Tiết, 3 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra (tổng 72 tiết)	17 bài : 61 tiết, 3 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra (tổng 68 tiết)
7	Tiếng anh	12 bài, 10 chủ đề 89 tiết, 10 tiết ôn tập 6 tiết kiểm tra tổng 105 tiết	6 bài, 6 chủ đề bài; 45 tiết, 6 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra	6 bài, 4 chủ đề; 44 tiết, 4 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra
8	Lịch sử và Địa lí	20 bài, 3 tiết BTLs, 1 tiết ôn tập, 4 tiết KT. Tổng 53 tiết	12,5 bài, 2 tiết BTLs, 2 tiết KT. Tổng 27 tiết	7,5 bài, 1 tiết BTLs, 1 tiết Ôn tập, 2 tiết KT. Tổng 26 tiết
		Phần Địa lí: 30 bài, 1 tiết mở đầu, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra (52 tiết)	16,5 bài; 1 bài mở đầu, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra (27 tiết)	13,5 bài; 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra (25 tiết)
9	GDCD	14 bài=31 tiết ; 04 tiết KT (Tổng = 35 tiết/ năm)	06 bài/chủ đề= 16 tiết; 02 tiết KT (Tổng = 18 tiết)	6 bài/chủ đề; 15 tiết; 02 tiết KT (Tổng = 17 tiết)
10	Nghệ thuật	Âm nhạc: Số Chủ đề trong năm học: 8 chủ đề, 35 tiết	4 chủ đề, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì (18 Tiết)	4 chủ đề, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì (17 Tiết)
		Mỹ thuật: 5 chủ	Học kì I: có 3 chủ	2 chủ đề, 2 tiết kiểm

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
		đề, Tổng 35 tiết	đề, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì tổng 18 tiết	tra giữa kì và cuối kì .(17 tiết)

Khối lớp 7

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
1	Toán	Đại số: 6 chương, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra (tổng 82 tiết)	Đại số: 3 chương và HĐ THTN: 36 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra, 1 tiết trả bài. (tổng 41 tiết)	3 chương và HĐ THTN: 36 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra, 1 tiết trả bài (tổng 41 tiết)
		Hình học: 4 chương, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra (tổng 58 tiết)	Hình học: 2 chương và HĐ THTN: 27 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra (tổng 31 tiết)	2 chương và HĐ THTN: 23 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra (tổng 27 tiết)
2	Tin học	16 bài- 31 tiết; 4 tiết kiểm tra (35 tiết)	8 bài- 16 tiết; 2 tiết kiểm tra	8 bài; 15 tiết; 2 tiết kiểm tra
3	Giáo dục thể chất	5 chủ đề 66 tiết, 4 tiết kiểm tra (tổng 70 tiết)	3 chủ đề 34 tiết, 2 tiết kiểm tra (tổng 36 tiết)	2 chủ đề 32 tiết, 2 tiết kiểm tra (tổng 34 tiết)
4	Công nghệ	24 bài, 3 Tiết ôn Tập 4 Tiết Kiểm tra (35 tiết)	15 bài, 1 ôn tập, 2 Kiểm tra (18 tiết)	9 bài, 2 ôn tập, 2 Kiểm tra (17 tiết)

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
5	Ngữ văn	11 bài theo Sgk, 4 bài ôn tập, 4 bài kiểm tra, 4 bài trả bài (tổng số: 23 bài, 140 tiết)	6 bài theo sgk Nv7 tập một, 2 bài ôn tập giữa kì và cuối kì, 2 bài kiểm tra, 2 bài trả bài (tổng số: 12 bài, 72 Tiết)	5 bài theo sgk nv7 tập hai, 2 bài ôn tập giữa kì và cuối kì, 2 bài kiểm tra, 2 bài trả bài (tổng số: 11 bài, 68 Tiết)
6	Khoa học tự nhiên	35 bài = 12 chủ đề , 126 tiết và 6 tiết ôn tập và 8 tiết kiểm tra	14 bài : 65 Tiết , 3 tiết ôn tập 4 tiết kiểm tra(tổng 72 tiết)	21 bài : 61 tiết, 3 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra (tổng 68 tiết)
7	Tiếng Anh	12 bài, 10 chủ đề 89 tiết , 10 tiết ôn tập 6 tiết kiểm tra tổng 105 tiết	6 bài, 6 chủ đề bài; 45 tiết , 6 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra	6 bài, 4 chủ đề; 44 tiết, 4 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra
8	Lịch sử- Địa lý	Phần lịch sử: 18 bài, 1 chủ đề chung. 53 tiết	Học kì I: có 11 bài/24 tiết, 1 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra. Tổng 27 tiết	Học kì II: có 09 bài/ 21 tiết; 01 chủ đề chung: 02 tiết. 1 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra. Tổng 26 tiết.
		Phần địa lý: 1 chủ đề, 19 bài, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra (52 tiết)	Học kì I: 10 bài; 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra (27 tiết)	Học kì II: 1 chủ đề; 9 bài, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra (25 tiết)
8	Giáo dục	14 bài (12 bài	6 bài; 1 bài ôn	6 bài; 1 bài ôn

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
	công dân	học, 2 bài ôn tập). Số tiết 31	tập cuối kì (16 tiết)	tập cuối kì (15 tiết)
9	Nghệ thuật	Âm nhạc: 8 chủ đề, 35 tiết	4 chủ đề, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì (18 Tiết)	4 chủ đề, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì (17 Tiết)
		Mỹ thuật: 5 chủ đề, 35 tiết	3 chủ đề 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì .- 16 tiết	2 chủ đề .2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì - 17 tiết

Khối lớp 8

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
1	Toán	Đại số: 6 chương, 82 tiết	Đại số: 3 chương và HĐ THPT: 22 bài-38 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết KT, TS 42 tiết	Đại số: 3 chương và HĐ THPT: 22 bài-36 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết KT, TS 40 tiết
		Hình học: 4 chương: 58 tiết	Hình học: 2 chương và HĐ THPT: 15 bài-26 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết KT; TS 30 tiết	Hình học: 2 chương và HĐ THPT: 15 bài-24 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết KT; TS 28 tiết
2	Tin học	16 bài, 31 tiết 4 tiết kiểm tra (35 tiết)	8 bài; 16 tiết 2 tiết kiểm tra	8 bài; 15 tiết 2 tiết kiểm tra

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
3	Giáo dục thể chất	5 chủ đề, 63 tiết	3 chủ đề: 32 tiết. 2 tiết kiểm tra định kì. Tổng 36 tiết	2 chủ đề: 29 tiết. 3 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra định kì, tổng 34 tiết.
4	Công nghệ	20 bài, 2 ôn tập, 4 kiểm tra (53 tiết)	15 bài, 1 ôn tập, 2 kiểm tra (36 tiết)	5 bài, 1 ôn tập, 2 kiểm tra (17 tiết)
5	Ngữ văn	11 bài theo SGK, 4 bài ôn tập, 4 bài kiểm tra. Tổng 19 bài, 140 tiết	6 bài, 2 bài ôn tập giữa kì và cuối kì, 2 bài KT GK và CK (72 Tiết)	5 bài, 2 bài ôn tập GK và CK, 2 bài KT ĐGGK và CK: 68 tiết
6	Tiếng Anh	12 bài, 10 chủ đề 89 tiết, 10 tiết ôn tập 6 tiết kiểm tra tổng 105 tiết	6 bài, 6 chủ đề bài; 45 tiết, 6 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra	6 bài, 4 chủ đề; 44 tiết, 4 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra
7	Lịch sử- Địa lý	Phần Lịch sử: 19 bài: 45 tiết, 1 chủ đề: 4 tiết, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra, tổng: 53 tiết	Học kì I: có 11 bài: 23 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra, tổng 27 tiết	Học kì II: có 08 bài: 18 tiết; 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra, 01 chủ đề: 4 tiết; tổng: 26 tiết
		Phần Địa lí: 12 bài, 1 chủ đề, 4 tiết ôn tập, 4 tiết KT. (52 tiết)	Học kì I: 7 bài; 2 tiết ôn tập giữa và cuối kì I, 2 tiết KT giữa và cuối kì I (27 tiết)	1 chủ đề; 5 bài; 2 tiết ôn tập giữa và cuối kì 2, 2 tiết KT giữa và cuối kì II (25 tiết)
8	Giáo dục công dân	12 bài. Số tiết 31; 04 tiết KT (Tổng CN 35 tiết)	6 bài; 16 tiết; 02 tiết KT (Tổng 18 tiết/kì)	6 bài: 14 tiết; 01 tiết ôn tập; 02 tiết KT (Tổng 17 tiết/kì)
		Âm nhạc: 8 chủ	có 4 chủ đề, 2 tiết	4 chủ đề, 2 tiết kiểm

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
		đề, 35 tiết Mỹ thuật: 6 chủ đề, 35 tiết	kiểm tra giữa kì và cuối kì (18 Tiết) 3 chủ đề 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì - 18 tiết	tra giữa kì và cuối kì (17 Tiết) 3 chủ đề 2 tiết kiểm tra giữa giữa kì và cuối kì - 17 tiết
10	KHTN	44 bài/ 9 chủ đề tổng 132 tiết và 8 tiết kiểm tra tổng 140 tiết	20 bài/4 chủ đề/ 68 tiết và 4 tiết kiểm tra tổng 72 tiết	24 bài/ 5 chủ đề : 64 tiết và 4 tiết kiểm tra tổng 68 tiết

Khối lớp 9

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
1	Toán	Đại số: 24 bài, 70 tiết.	Đại số: 13 bài, 32 tiết, 1 tiết ôn tập, 3 tiết kiểm tra định kì (tổng 36 tiết)	Đại số: 11 bài, 28 tiết, 3 tiết ôn tập, 3 tiết kiểm tra định kì (tổng 34 tiết)
		Hình học: 29 bài, 70 tiết	Hình học: 14 bài, 32 tiết thực dạy, 1 tiết ôn tập, 3 tiết kiểm tra định kì (tổng 36 tiết)	Hình học: 15 bài, 27 tiết, 4 tiết ôn tập, 3 tiết kiểm tra định kì (tổng 34 tiết); xác suất (dạy chiều): 4 bài, 8 tiết
2	Vật lí	5 chủ đề, 60 tiết, 6 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra định kì (tổng 70 tiết)	2 chủ đề; 32 tiết, 2 tiết ôn tập và 2 tiết kiểm tra định kì (tổng 36 tiết)	3 chủ đề, 28 tiết, 4 tiết ôn tập và 2 tiết kiểm tra định kì

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
3	Hóa học 9	6 chủ đề; 40 bài, 62 tiết học, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra, tổng 70 tiết	6 chủ đề và 14 bài; (32 tiết học ; 02 tiết ôn tập và 02 tiết kiểm tra định kì, tổng 36 tiết)	26 bài; 30 tiết học, 02 tiết ôn tập và 02 tiết kiểm tra định kì, tổng 34 tiết
4	Sinh học 9	61 bài, 64 tiết, 2 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra tổng 70 tiết	31 bài; 33 tiết , 1 tiết ôn tập và 2 tiết kiểm tra tổng 36 tiết	30 bài; 31 tiết, 1 tiết ôn tập và 2 tiết kiểm tra tổng 34 tiết
5	Công nghệ	12 bài 28 tiết, 3 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra (tổng 35 tiết)	7 bài 15 tiết, 1 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra(tổng 18 tiết)	5 bài 13 tiết, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra(tổng 17 tiết)
6	Tin học	23 bài, 53 tiết 9 tiết ôn tập 6 tiết kiểm tra 2 tiết ngoại khóa (70 tiết)	13 bài, 27 tiết 4 tiết ôn tập 3 tiết kiểm tra 2 tiết ngoại khóa	10 bài, 26 tiết 5 tiết ôn tập 3 tiết kiểm tra
7	Thể dục	8 chủ đề 63 tiết, 4 tiết kiểm tra, 3 tiết ôn tập(tổng 70 tiết)	5 chủ đề 31 tiết, 2 tiết kiểm tra, 3 tiết ôn tập(tổng 36 tiết)	3 chủ đề 32 tiết, 2 tiết kiểm tra (tổng 34 tiết)
8	Ngữ văn	Số bài 34, chủ đề trong năm học: 2 chủ đề, 9 tiết ôn tập, 4 tiết KT (175 tiết)	17 bài (74 tiết), 1 chủ đề (8 Tiết), 4 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra định kì (90 tiết)	17 bài (68 Tiết), 1 chủ đề (8 Tiết), 5 tiết ôn tập và 4 tiết kiểm tra định kì (85 tiết)
9	Lịch sử	Số bài /chủ đề trong năm học: 33 bài, 2 T ôn tập, 2T LSDP, 4 tiết KT.Tổng 52T	Học kì I: có 15 bài(15T), ôn tập(1T), KT định kì(2T). Tổng18 tiết	18 bài(29T), LSDP(2T), Ôn tập (1T), KT định kì(2T). Tổng 34 tiết

STT	Môn	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
10	Địa lý	Tổng số bài:40 bài; 1 chủ đề, 4 tiết ôn tập, 4 tiết KT: 53 tiết	30bài; 2 tiết ôn tập giữa và cuối kì I, 2 tiết KT giữa và cuối kì I (36tiết).	10 bài, 01 chủ đề, 2 tiết ôn tập giữa và cuối kì II, 2 tiết KT giữa và cuối kì II (17 tiết)
11	Tiếng Anh	12 bài, 10 chủ đề 89 tiết , 10 tiết ôn tập 6 tiết kiểm tra tổng 105 tiết	6 bài, 6 chủ đề bài; 45 tiết , 6 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra	6 bài, 4 chủ đề; 44 tiết, 4 tiết ôn tập và 3 tiết kiểm tra
12	GDCD	16 bài 31 tiết; 04 tiết KT (Tổng CN= 35 tiết)	8 bài= 10 tiết. 02 chủ đề = 6 tiết; 02 tiết KT (Tổng = 18 tiết/kỳ)	8 bài = 14 tiết; 01 tiết Ôn tập; 02 tiết KT (Tổng =17 tiết/kỳ)
13	Âm nhạc	4 bài, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì (18 Tiết)	4 bài, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì (18 Tiết)	
14	Mĩ thuật	7 chủ đề - 17 tiết		7 chủ đề 2 tiết kiểm tra giữa kì và cuối kì - 17 tiết

4. Các hoạt động giáo dục khác

1. *Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục bắt buộc:

STT	Hoạt động	Số bài/Số chủ đề	Số tiết trong học kỳ I	Số tiết trong học kỳ II
1	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 6,	09 chủ đề, 101 tiết thực học, 4 tiết kiểm tra. Tổng 105 tiết.	05 chủ đề = 55 tiết, 2 tiết kiểm tra. Tổng 57 tiết	04 chủ đề = 46 tiết, 2 tiết kiểm tra. Tổng 48 tiết
2	Chương trình giáo dục địa phương 6	6 chủ đề, 4 tiết ôn tập, 4 tiết kiểm tra (35	3 chủ đề, 2 tiết ôn tập, 2 tiết	3 chủ đề, 2 tiết ôn tập, 2 tiết kiểm tra

		tiết)	kiểm tra (18 tiết)	(17 tiết)
3	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 7	09 chủ đề, 101 tiết thực học, 4 tiết kiểm tra. Tổng 105 tiết	05 chủ đề = 52 tiết, 2 tiết kiểm tra. Tổng 54 tiết.	04 chủ đề = 49 tiết, 2 tiết kiểm tra. Tổng 51 tiết.
4	Chương trình giáo dục địa phương 7	7 chủ đề (chủ đề 4 học ở cả kì 1 và kì 2) theo Tài liệu địa phương; 2 tiết ôn tập. 4 tiết KT. Tổng 35 tiết.	4 chủ đề theo Tài liệu địa phương; 1 tiết ôn tập; 2 tiết KT. Tổng 18 tiết	4 chủ đề theo Tài liệu địa phương; 1 tiết ôn tập; 2 tiết KT. Tổng 17 tiết
5	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8	09 chủ đề, 101 tiết thực học, 4 tiết kiểm tra. Tổng 105 tiết	05 chủ đề = 52 tiết, 2 tiết kiểm tra. Tổng 54 tiết.	04 chủ đề = 49 tiết, 2 tiết kiểm tra. Tổng 51 tiết.
6	Chương trình giáo dục địa phương 8	7 chủ đề (chủ đề 4 học ở cả kì 1 và kì 2) theo Tài liệu địa phương; 2 tiết ôn tập. 4 tiết KT. Tổng 35 tiết.	4 chủ đề theo Tài liệu địa phương; 1 tiết ôn tập; 2 tiết KT. Tổng 18 tiết	4 chủ đề theo Tài liệu địa phương; 1 tiết ôn tập; 2 tiết KT. Tổng 17 tiết
7	Chương trình HĐNGLL 9	9 chủ đề, 18 tiết	5 chủ đề, 10 tiết	4 chủ đề 8 tiết
8	Chương trình GD hướng nghiệp 9	9 chủ đề, 9 tiết	5 chủ đề, 5 tiết	4 chủ đề 4 tiết

*Hoạt động giáo dục không bắt buộc:

Tháng	Chủ điểm	Nội dung	Hình thức	Thời gian	Người thực hiện	Phối hợp
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về truyền thống nhà trường.	Toàn trường	Tuần 2	BGH, TPT, GV CN	Các đoàn thể. Công an huyện Yên Mỹ,

		Tuyên truyền ATGT Tổ chức hoạt động STEM				Hội cha mẹ học sinh Panasonics
Tháng 11	Tôn sư - trọng đạo	Thi rung chuông vàng Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường	Toàn trường	Sáng 20/11 11/11	BGH, TPT, GVCN Tổ KHXH	Các đoàn thể, GV, NV, Hội cha mẹ HS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Viếng nghĩa trang liệt sĩ. - Hội khoẻ Phù Đổng cấp trường.	Toàn trường	Sáng 22/12	BGH, Các đoàn thể, GV, NV .Tổ KHTN	Mời đại diện CMHS
Tháng 1,2	Mừng Đảng mừng Xuân	Ngày hội bánh chung xanh	Toàn trường	Sáng 03/2	BGH, Các đoàn thể, GV, NV	Mời đại diện CMHS
Tháng 3	Tiến bước lên Đoàn	Sinh hoạt CLB Tiếng Anh	Toàn trường	Sáng 26/3	Đoàn TN, TPT, đc Quyên	BGH, GV, NV
Tháng 4	Hòa bình - hữu nghị	Tổ chức ngày hội đọc sách, Tổ chức cuộc thi tìm hiểu chiến thắng 30/4 lịch sử	Toàn trường	Sáng 29/4	Đoàn TN, TPT	BGH, Các đoàn thể, GV, NV

Tháng 5	Ngày hội STEM	Tìm hiểu về tên lửa nước, nhà thông minh	Câu lạc bộ STEM biểu diễn và thi giữa các lớp	10,11/5	Giáo viên Vật lý – C. Nghệ tổ KHTN	GVCN, TPT
------------	------------------	---	---	---------	--	--------------

• **Bảng phân công giáo viên thực hiện các hoạt động giáo dục khối 6, 7, 8, 9**

STT	Họ tên	Chức vụ	Chuyên môn	Dạy môn	Kiểm nhiệm	Phân công CM	Số tiết Tiêu chuẩn	Số tiết thừa/ thiếu
1	Nguyễn Thị Hồng Thắm	HT	Toán	Phụ trách chung		Toán 6A2	19	+2
2	Chu Thị Nở	PHT	Hoá	Phụ trách chuyên môn		Hoá 9A, B, C, D, E	19	+6
3	Phạm Thị Lan Hằng	TT	ĐH Sử	Ngữ văn, Sử	3	Văn7, 5GDĐP7, LS 6 A6, A7	19	+4
4	Đặng Thị Tú Quyên	GV	CD Văn- Sử	Văn- Sử	CN 8A	V8, 5 LS 7	19	+7
5	Đỗ Hải Vân	GV	ĐHTA	Tiếng Anh	CN6A4	TA 6	19	+6
6	Hà Hồng Cương	GV	ĐHTA	Tiếng Anh	CN7A3	TA 7	19	0
7	Chu Thị	GV	ĐHV	Văn Địa	CN6A1	V6,	19	+5

	Thuý An					3ĐL7; HĐTN6		
8	Lê Thị Quỳnh Mai	GV	CD V-S	Lịch sử và địa lí	CN8E	Văn 8, Sử 9, Sử 6	19	+4
9	Lê Thị Huyền	GV	CD - AN	Âm nhạc	CN6A6	AN 6,7,8,9	19	+7
10	Trịnh Thị Thắm	GV	CD - MT	Mĩ thuật	CN6A3	MT 6,7,8	19	+2
11	Nguyễn Thị Trang Huyền	GV	CD V-GD	GDCD	CN6A2	NV 6, GDCD 7, GDĐP 8	19	+3
12	Phạm Thị Bầy	TP	ĐH V-Đ	Địa	CN 7A4	V7A, Địa 9, Địa 8	19	+6
13	Phạm Thị Ngọc Vân	GV	CD – Văn, Sử	GD địa phương	CN 6A7	Văn 6, GDĐP 6,ĐL 6, HĐTN 6	19	+3
14	Phạm Thị Nga	GV	ĐH Văn		CN 9A	Văn 9, LS6,	19	+3
15	Chu Thị Thảo	GV	ĐH Văn	HĐTNHN	TPT	Văn 6, Địa 8, GDĐP 6, HĐTN 7	19	+6
16	Nguyễn Thanh Hoa	GV	ĐHTL	GDCD	CTCĐ	GDCD 9, GDCD 8, GDCD 6, HĐTN 8	19	+6
17	Nguyễn Thị Thiên Hương	GV	ĐH Toán	Toán	CN 7A1	Toán 7, Tin 6	19	+1
18	Đoàn Thị Thu Hồng	GV	ĐH Toán	Toán	CN 9B	Toán 9, Toán 6	19	+5

19	Lê Văn Tuấn	GV	ĐH - Sinh	KHTN	Kiểm nhiệm văn thư	KHTN 6,8	19	+4
20	Trần Thị Nhài	GV	ĐH - CN	Công nghệ	TT	TD 9, CN 9, TD7	19	+3
21	Đỗ Trà My	GV	ĐH – Toán Tin	Tin	CN 6A5	Toán 6, Tin 6	19	+6
22	Tô Băng Dương	GV	ĐH Toán	KHTN	Thư ký HĐ	Lí 9, Toán 8	19	+5
23	Phạm Văn Mễ	TT	ĐH-Toán	Toán	TT	Toán 9, Toán 8	19	0
24	Trần Thị Thơm	GV	ĐH - Sinh	KHTN	CN7A2	Sinh 9, KHTN7	19	+7
25	Ngô Minh Đoàn	GV	ĐH Lí	KHTN		TD 6, TD7	19	+1
26	Lê Thị Hồng Chuyên	GV	ĐH Tin	Tin	CN 9E	Tin 7,8,9	19	+5
27	Nguyễn Thị Minh Tân	GV	ĐH CN	KHTN	TB,TV	KHTN6, TD8, HĐTN 7	19	+6
28	Đặng Quốc Sửu	GV	ĐH KT	CN	CN8D	CN 6,7,8	19	+7
29	Đỗ Thị Lập	GV	ĐH Sinh	KHTN	CN8C	KHTN7,8	19	+5
30	Hoàng Thị Hà	GV	ĐH Toán	Toán	CN7A5	Toán 7, KHTN 6	19	+5
31	Đỗ Thị Châm Anh	GV	ĐH Văn	Ngữ Văn	CN9D	Văn 9, LS 8	19	+5
32	Nguyễn Thị Thu	GV	ĐH TA	TA	CN8B	TA9	19	0

	Hường							
33	Lê Thị Thanh Hoài	GV	ĐHTA	TA	CN9C	TA9	19	0

Phân công GVCN thực hiện tiết chào cờ và sinh hoạt lớp. Đồng chí Nhà thực hiện nội dung Trải nghiệm hướng nghiệp theo chủ đề khối lớp 6.

5. Các giải pháp cụ thể

5.1. Công tác tư tưởng chính trị: Quán triệt thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục trung học cơ sở; thực hiện tốt mục tiêu phòng chống dịch Covid-19, bảo đảm trường học an toàn và nâng cao chất lượng giáo dục.

Tuyên truyền thực hiện tốt quyền tự chủ nhà trường trong việc thực hiện KHGD trên khung chương trình giáo dục 35 tuần; Thực hiện Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Điều chỉnh nội dung chương trình theo công văn 4040/BGDĐT –GDTrH ngày 16/9/2021; công văn 1779/SGD&ĐT –GDTrH; công văn 1513/SGDĐT –GDTrH – GDTX ngày 08/8/2022 v/v hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ Văn ở trường phổ thông.

Tăng cường giáo dục thực hiện Luật ATGT và Luật An ninh mạng. Nội dung này phân công GVTPT và GVCN phối hợp với cha mẹ HS tuyên truyền, giáo dục.

Tổ tư vấn tâm lý thường xuyên nắm bắt tư tưởng của HS, phát hiện những vấn đề nảy sinh có biểu hiện lệch chuẩn của HS: những biểu hiện sử dụng các chất gây nghiện, hoặc liên quan đến bạo lực học đường, xâm hại tình dục...để kịp thời hỗ trợ.

5.2. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới PPDH, và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực người học. Triển khai giáo dục STEM, đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tập trung ưu tiên cho việc triển khai thực hiện đối với lớp 8 năm học 2023-2024;

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. GV chủ động ứng dụng CNTT trong việc dạy học.

- Rèn cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu tài liệu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành thời gian phù hợp trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ quan điểm; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Chú trọng rèn kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; khắc phục lối truyền thụ một chiều, áp đặt, ghi nhớ máy móc.

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trong lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá theo dự án học tập; báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá thông qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá trên thay cho các bài kiểm tra. Khi dịch bệnh xảy ra thì kết hợp hai hình thức kiểm tra trên giấy và kiểm tra trên các phần mềm như Googleform, OLM, Azota...

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra, đề thi theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận và trắc nghiệm) theo 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

- Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra (được phản biện) để làm nguồn cho việc kiểm tra theo quy định. Thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- GV phải nhận xét bài kiểm tra của học sinh. Thực hiện hướng dẫn, sửa lỗi sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc ghi điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh.

- Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý thi, kiểm tra đã được cung cấp.

- Thực hiện đánh giá, xếp loại hai mặt giáo dục của học sinh lớp 9 theo đúng Thông tư 26/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế, đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TTBGDĐT ngày 12/12/2011. Với lớp 6, 7, 8 thực hiện theo Thông tư

22/2021/ BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT.

+/ Tổ chức kiểm tra chung các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì cho cả 4 khối lớp với các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN (Vật lí, Hóa học, Sinh học), Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học.

- Đối với bài kiểm tra bằng điểm số thông qua bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính: đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đề có trắc nghiệm và tự luận đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục;

+/ Thời lượng làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học:

- Có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút (môn Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Công nghệ);

- Đối với môn học có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút (môn Toán, Ngữ văn);

+/ Số lần đánh giá định kì:

Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá **giữa kì** và 01 (một) lần đánh giá **cuối kì**.

+/ Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kì.

+/Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

5.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ: Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Tập trung nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn. Trường học là địa chỉ tin cậy của học sinh và phụ huynh;

Tiếp tục đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 lần/tháng.

Tăng cường sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Khuyến khích giáo viên sinh hoạt trao đổi chuyên môn qua diễn đàn “Trường học kết nối”.

Tăng cường hoạt động dự giờ, thăm lớp trong năm học 2023 - 2024; đảm bảo nền nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

BGH chỉ đạo tổ chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học mỗi tuần vào ngày thứ 2 hàng tuần.

BGH, tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải xác nhận đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 2 chuyên đề trên năm. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực để đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Chỉ đạo giáo viên và học sinh tham gia tích cực các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối” về xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp, liên môn; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- BGH và Tổ trưởng thường xuyên dự giờ đột xuất, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên nhằm tư vấn, giúp đỡ để giáo viên dạy tốt

5.4. Giáo dục đạo đức, pháp luật: Thực hiện nghiêm nề nếp, kỷ cương, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử và sức khỏe cho học sinh trong trường, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Trên cơ sở khung chương trình của Bộ Giáo dục chủ động rà soát bổ sung thông tin tri thức mới, lồng ghép các nội dung giáo dục pháp luật phòng chống tham nhũng và lãng phí, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, chương trình địa phương...

Giáo viên dạy GDCD phối hợp với GVCN chủ động tuyên truyền, phổ biến Luật An ninh mạng, Luật ATGT, Luật trẻ em...thông qua việc tích hợp vào nội dung bài dạy.

5.5. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục:

a. Đối với Ban giám hiệu:

- Đồng chí Hiệu trưởng: Quản lý chung, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; Đề án sử dụng đội ngũ; xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và các quy chế hoạt động của nhà trường. Chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua trong năm học.

Chủ động thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong ngành giáo dục: Chỉ đạo việc sử dụng số liên lạc điện tử, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành. Phân công cán bộ phụ trách CNTT scan hồ sơ trường. Bố trí ngân sách để trang bị thiết bị lưu trữ hồ sơ trên

không gian mạng. Thực hiện các văn bản hướng dẫn các khoản thu-chi không dùng tiền mặt. Chỉ đạo việc truyền tải thông tin qua hệ thống email nội bộ. Cập nhật công thông tin điện tử thường xuyên.

- Đồng chí Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác bồi dưỡng học sinh giỏi:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phân công giáo viên dạy, lên thời khóa biểu, kiểm tra đề cương, giáo án giảng dạy của giáo viên.

+ Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của tổ chuyên môn, giáo viên giảng dạy.

+ Cùng với tổ chuyên môn tham dự các buổi chuyên đề liên quan đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

b. Đối với tổ chuyên môn:

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng.

- Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.

c. Đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh yếu kém:

- Lập danh sách đội tuyển, danh sách HS yếu kém theo các môn.

- Thực hiện đúng theo thời khóa biểu đã phân công.

- Soạn giáo án bồi dưỡng, giáo án được kiểm tra vào thứ 2 hàng tuần. Giáo viên cần lựa chọn nội dung, phương pháp bồi dưỡng tốt nhất để bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ HS yếu kém đạt kết quả cao nhất.

- Đảm bảo chất lượng, chi tiêu đề ra.

**. Thời gian thực hiện:*

- Dạy theo lịch của nhà trường.

- Thời gian: Bắt đầu bồi dưỡng từ 19/9/2023 đến khi học sinh đi dự thi cấp huyện (dự kiến vào tháng 12/2021) đối với lớp 9. Đối với HS yếu kém thực hiện dạy hỗ trợ thường xuyên; Phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9.

TT	Môn	Lớp	GV bồi dưỡng	Ghi chú
1	Toán	9	Đoàn Thị Thu Hồng	
2	Ngữ văn	9	Phạm Thị Nga	

3	Vật lí	9	Tô Băng Dương	
4	Hóa học	9	Chu Thị Nở	
5	Sinh học	9	Trần Thị Thơm	
6	Lịch Sử	9	Lê Thị Quỳnh Mai	
7	Địa lí	9	Phạm Thị Bảy	
8	Tiếng Anh	9	Lê Thị Thanh Hoài	

Khối 6,7,8 thực hiện bồi dưỡng theo chuyên môn phân công trực tiếp dạy trên lớp.

*** Phụ đạo học sinh yếu kém**

- Yêu cầu giáo viên lập danh sách đối với ba môn Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn trên cơ sở đó Phó hiệu trưởng phân công giáo viên có khả năng và kiên trì, nhiệt tình phụ trách phụ đạo.

- Các môn khác có HS yếu sẽ phụ đạo ngay trong giờ dạy và hỗ trợ vào buổi chiều.

Danh sách giáo viên phụ đạo môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh:

TT	Môn	Khối lớp	GV phụ đạo	Ghi chú
1	Toán	9	Mẽ, Hồng	
2	Ngữ văn	9	Nga, Châm Anh	
3	Tiếng Anh	9	Hoài	
4	Toán	8	Mẽ, Hà	
5	Ngữ văn	8	Mai, Quyên	
6	Tiếng Anh	8	Hường	
7	Toán	7	Hương, Hà	
8	Ngữ văn	7	Hằng, Bảy	
9	Tiếng Anh	7	Cương	
10	Toán	6	Thắm, My, Hà	
11	Ngữ văn	6	An, Huyền, Thảo	
12	Tiếng Anh	6	Đỗ Vân	

Thời gian phụ đạo: Theo TKB phụ đạo của nhà trường

5.6. Công tác giáo dục hướng nghiệp.

Tiếp tục quán triệt các văn bản của các cấp về công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS.

Tiếp tục truyền thông nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường; đổi mới phương pháp và hình thức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, đáp ứng được mục tiêu phân luồng học sinh THCS.

Tuyên truyền với học sinh qua buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc bố trí một buổi họp riêng với học sinh cuối cấp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động học sinh và phụ huynh theo học ở các trường nghề; phân công trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm khối 9 nắm bắt thông tin từng học sinh qua những kỳ kiểm tra cuối năm, phối hợp với giáo viên bộ môn phân loại học lực của học sinh, từ đó định hướng cho các em lựa chọn thi tiếp vào THPT hay theo học nghề.

5.7. Tổ chức hoạt động giáo dục STEM

Bắt buộc thực hiện trong năm học, thể hiện rõ trong PPCT, kế hoạch giáo dục, giáo án, tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng dẫn.

Hình thức: xây dựng thành các chủ đề, tổ chức “Ngày hội STEM”.

Các môn áp dụng: Chỉ đạo tổ KHTN (Toán, Sinh, Lý, Hóa, Công nghệ, Vật lý, Tin học) lựa chọn chủ đề, tổ chức cho học sinh tiếp cận và học tập. Đảm bảo mỗi khối lớp 1 chủ đề trong năm học.

Thành lập câu lạc bộ nghiên cứu khoa học kỹ thuật đối với học sinh khối 8, 9. Nhóm trưởng và phụ trách sinh hoạt câu lạc bộ là giáo viên dạy môn Vật lý. Giao tổ KHXX nghiên cứu sản phẩm thi cấp huyện.

5.8. Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, phát triển năng khiếu.

Tổ chức học tập môn GDTC đạt chất lượng cao, đẩy mạnh việc dạy các chương trình TDTT tự chọn, ngoài ra tổ chức các hoạt động TD - TT khác để nâng cao thể chất như múa hát tập thể, nhảy dân vũ, thực hiện đầy đủ bài thể dục giữa giờ, triển khai các nội dung của Hội khỏe Phù Đổng trong nhà trường.

Thành lập Câu lạc bộ Cầu lông, tổ chức giải cầu lông cấp trường. Giao cho giáo viên môn Thể dục phụ trách và duy trì sinh hoạt của Câu lạc bộ.

Tổ chức các chương trình hội diễn, hội thi văn nghệ, thể thao...

5.9. Tổ chức dạy học Tiếng Anh

Tiếp tục Chương trình của Đề án “Dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” được triển khai đối với các lớp 9. Khối 6;7, 8 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đảm bảo dạy đủ, đúng chương trình môn Tiếng Anh cho các khối lớp.

Bồi dưỡng giúp đỡ giáo viên Tiếng Anh để nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy để đáp ứng việc thực hiện Đề án ngoại ngữ quốc gia.

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngoại ngữ như phòng Lab, máy cattset.

Chỉ đạo dạy đủ 4 kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ, đặc biệt kỹ năng nghe, nói.

Chỉ đạo giáo viên kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Anh theo công văn 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GD&ĐT về việc sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực Tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2015-2016, tham gia chương trình mới để thúc đẩy đổi mới kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học theo định hướng phát triển kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh của học sinh.

5.10. Câu lạc bộ.

- Thành lập và sinh hoạt Câu lạc bộ Tiếng Anh, CLB bóng chuyền, CLB STEM
- Tổ chức sinh hoạt CLB lồng ghép các hoạt động TNST cho học sinh

5.11. Tổ chức thực hiện tốt các phong trào thi đua

Thực hiện phong trào thi đua năm học 2023-2024, thực hiện thắng lợi các nội dung sau:

Trường học là một pháo đài chống dịch, mỗi giáo viên, nhân viên là một chiến sĩ. CBQL phát huy tinh thần trách nhiệm, giữ gìn kỷ cương, tinh thần đoàn kết thống nhất, ưu tiên mọi nguồn lực cao nhất để phòng, chống dịch. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Đảm bảo an toàn cho người học và cán bộ, giáo viên, nhân viên, không để lây lan dịch bệnh.

Phát động phong trào thi đua năm học 2023-2024 theo công văn 1729/KHLT – SGDDT – CDN ngày 06/9/2023: Phát động phong trào thi đua: “Dạy tốt- Học tốt”; “Đổi mới, sáng tạo trong dạy học”; “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, “Xây dựng trường học hạnh phúc”, “Đổi mới, sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động của tổ chức Công đoàn”; cuộc vận động “Dân chủ- Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa” gắn các phong trào thi đua với việc đẩy mạnh việc học

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phong trào thi đua tổ chức thành 2 đợt: đợt I từ 05/9/2023 – 15/01/2024; Đợt II từ 18/01/2024 đến 25/5/2024. Phát động Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2023 (Phân công đ/c Hương triển khai đến các đoàn viên trong chi đoàn) theo cv 1717/SGDDĐT ngày 05/9/2023; cv 482/KHBGDĐT ngày 06/5/2023.

. Tham gia tích cực các cuộc thi do ngành phát động. Tham gia Hội thi GVĐG các cấp. các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh đối với lớp 9, cuộc thi nghiên cứu KHKT, thiết kế bài giảng Elearling...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các thành viên:

1.1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở trường học. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc các nội dung công khai theo tinh thần thông tư 36/2017/TTBGDĐT ngày 28/12/2017.

1.2. Đối với Phó hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường Trung học và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.
- Tham gia tổ chức, chỉ đạo các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, trải nghiệm bộ môn, trải nghiệm hướng nghiệp, chuyên đề cấp trường, cấp tổ được tổ chức trong năm học.

1.3. Tổ trưởng tổ chuyên môn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn.
- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn, kí duyệt kế hoạch dạy học bộ môn của giáo viên và trình BGH nhà trường phê duyệt.
- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm theo môn học.
- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/ tháng. Chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu cho ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu cho hiệu trưởng về việc phân công các thành viên tham gia chuẩn bị nội dung chào cờ.
- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.
- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.
- Tổ chức đại hội liên đội trong tuần 5.
- Tham gia tư vấn giáo dục đạo đức, pháp luật và tư vấn tâm lí HS.

1.5. Đối với nhân viên Thư viện – Thiết bị

- Tham mưu cho hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và các thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.
- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Tổ chức giới thiệu, khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham gia tổ chức Ngày hội đọc sách.

- Trang bị đầy đủ các đầu sách cho thư viện để GV, HS nghiên cứu.

1.6. Đối với giáo viên

- Nghiên cứu kĩ chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, chương trình GDPT hiện hành để xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân;

- Xây dựng kế hoạch bài học phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học)

- Kết hợp với nhà trường, Liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

- GV bồi dưỡng hướng dẫn chu đáo kiến thức bộ môn, phương pháp dạy học từng kiểu bài cho đ/c dạy chéo môn.

- GVCN tham gia tư vấn giáo dục đạo đức, pháp luật và tổ tư vấn tâm lí HS. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (Khối 6;7, 8) và thực hiện nhiệm vụ của GVCN được quy định tại Điều lệ trường THCS.

2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

Nhà trường chủ động tham mưu cho chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

Phối hợp với hội phụ huynh học sinh, các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

Phối hợp với công an xã, công an huyện giáo dục ATGT và xử lý học sinh vi phạm khi vượt quá phạm vi xử lý của nhà trường.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lí chất lượng trường Trung học cơ sở.

- Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự

giờ thăm lớp, kiểm tra hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh...

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiệm vụ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, Ban Giám hiệu.

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của trường THCS Đồng Than năm học 2023-2024. Đề nghị các bộ phận chuyên môn và các cá nhân cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này./.

TM.BGH

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Yên Mỹ (để b/c);
- Toàn thể CB, GV, NV trường (để t/h);
- Lưu: VT.


HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ HỒNG THẮM